TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 8 - 2026
V/v hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử C2 khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 177/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Ngọc C1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ dân phố số x (nay là tổ dân phố M), phường L, tỉnh Ninh Bình.

Số CCCD: 03619700xxxx

- Bị đơn: Anh Đỗ Chí C2, sinh năm 2003; Địa chỉ: Thôn y (nay là thôn L), xã B, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: xxxx

(*Chị C1 vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C2 vắng mặt lần thứ 2*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Ngọc C1 trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Chí C2 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là xã **B**, tỉnh Hưng Yên) ngày 20/10/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 23/6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai đã nhiều lần cố gắng tự hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 7/2024 đến

nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Chí C2.

Về con chung: Chị và anh C2 có 01 con chung là Đỗ Chí **K**, sinh ngày 30/01/2024. Hiện con chung đang ở cùng chị. Ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn – anh Đỗ Chí C2 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Ngọc C1.

* Tại biên bản xác minh ngày 23/6/2026, UBND xã **B** cung cấp:

Anh Đỗ Chí C2 có căn cước C2 dân số 034203001844 là C2 dân của địa phương và có nơi cư trú tại thôn 6, xã **B**, tỉnh Hưng Yên. Anh C2 và chị Đặng Ngọc C1 có căn cước C2 dân số 036197001568 có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đô Lương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (nay là xã **B**, tỉnh Hưng Yên) ngày 20/10/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa phương đến đầu năm 2024 thì chị C1 sinh con sau đó chuyển về nhà bố mẹ để ở Ninh Bình sinh sống, sau đó không thấy chị C1 về sống tại địa phương nữa. Trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Hiện nay, anh C2 đang có địa chỉ cư trú tại nhà bố đẻ là ông Đỗ Hữu Đang tuy nhiên anh ở cùng nhà anh trai ở tỉnh Quảng Ninh nhưng địa phương không biết địa chỉ cụ thể và anh C2 vẫn thường xuyên về địa phương vào những dịp cuối tuần hoặc gia đình có việc. Trưởng thôn 6 đã đến gặp ông Đang, qua trao đổi ông Đang có trình bày: Gia đình đã nhận được thông báo thụ lý và các giấy triệu tập của Tòa án gửi qua đường bưu điện và đã giao lại cho anh C2, anh C2 đã biết được việc chị C1 xin ly hôn anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Về mâu thuẫn giữa anh C2 và chị C1 là do năm 2024 anh C2 bị tai nạn nghiêm trọng nhưng chị C1 không quan tâm, chăm sóc anh C2. Từ đó đến nay chị C1 cũng không liên lạc gì với anh C2. Quan điểm của anh C2 và gia đình là nay chị C1 xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị C1 và anh C2 có 01 con chung là Đỗ Chí **K**, sinh ngày 30/01/2024. Từ sau khi chị C1 sinh con đến nay thì chị C1 đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và hiện nay cháu **K** vẫn đang ở cùng mẹ. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung giữa chị C1 và anh C2 địa phương không nắm được. Tại địa phương, không có cơ quan tổ chức hay cá nhân nào có ý kiến về nợ liên quan đến vợ chồng chị C1 và anh C2.

Đại diện địa phương và Tòa án đã đến nhà anh C2 để làm việc tuy nhiên anh C2 và gia đình không có mặt ở nhà do đó Tòa án thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng theo quy định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai là từ bỏ quyền của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Đặng Ngọc C1 ly hôn anh Đỗ Chí C2; Về con chung: Giao cho chị Đặng Ngọc C1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Chí **K**, sinh ngày 30/01/2024, chấp nhận sự tự nguyện của chị C1 không yêu cầu anh C2 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị C1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị C1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C2, anh C2 có nơi thường trú tại xã **B**, tỉnh Hưng Yên. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị C1 vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh C2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị C1 và anh C2.

[3] Về hôn nhân: Chị C1 và anh C2 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân L, huyện DD, tỉnh Thái Bình (nay là xã **B**, tỉnh Hưng Yên) ngày 20/10/2023. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mặc dù cả hai đã nhiều lần cố gắng tự hòa giải nhưng không khắc phục đượ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay và không còn quan tâm tới nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị C1 vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh C2. Đối với anh C2, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị C1, đồng thời không đến Tòa án khi Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử, thể hiện anh C2 không còn tha thiết đoàn tụ với chị C1. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị C1 và anh C2 đã mâu thuẫn

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần xử cho chị C1 được ly hôn anh C2 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị C1 và anh C2 có 01 con chung là Đỗ Chí **K**, sinh ngày 30/01/2024, hiện đang sống cùng chị C1. Chị C1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, anh C2 không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết con chung. Vì vậy cần giao cho chị C1 trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với điều kiện thực tế chăm sóc và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C1 không yêu cầu anh C2 cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị C1 không yêu cầu giải quyết, anh C2 không trình bày quan điểm, nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, chị C1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị C1 và anh C2 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đặng Ngọc C1 ly hôn anh Đỗ Chí C2.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Ngọc C1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Chí **K**, sinh ngày 30/01/2024, chị Đặng Ngọc C1 không yêu cầu anh Đỗ Chí C2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Chí C2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Chị Đặng Ngọc C1 và anh Đỗ Chí C2 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Ngọc C1 chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002438 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị C1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị C1 và anh C2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
*- UBND xã **B** (Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2023 do UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình cấp ngày 20/10/2023);*
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA